

Hồi ký Quỳnh Dao

Chương 1

Chào đời

Chuyện đời tôi bắt đầu từ trước khi tôi chào đời. Tôi xin kể về ba mẹ tôi trước.

Ba tôi tên Trần Chí Bình, quê nội ở Hành Dương tỉnh Hồ Nam, trưởng thành ở Bắc Kinh.

Mẹ tôi là Viên Hành Như, quê nội ở Vũ Tiến, Tỉnh Giang Tô, cũng trưởng thành ở Bắc Kinh.

Bắc Kinh, có thể coi đây là quê hương thứ hai của ba mẹ tôi, hai người lớn lên ở đây, gặp nhau ở đây, yêu nhau ở đây, rồi cưới nhau cũng ở đây. Chuyện của hai người từ lúc gặp nhau cho đến khi nên vợ nên chồng, mang đầy chất lãng mạn và thần kỳ. Hồi ấy, mẹ tôi học ở trường nữ trung học Lương Cát, ba tôi dạy tại trường này, lúc đầu chỉ là quan hệ thầy trò. Nghe đâu cuộc hạnh ngộ giữa hai người phải đấu tranh dằn vặt dữ lắm, vì mẹ tôi vốn là tiểu thư đài các của một gia đình quyền quý, gia giáo. Còn ba tôi chỉ là chàng trai độc thân ở Bắc Kinh, cuộc sống có phần phóng khoáng và không rõ gốc gác của ba tôi, ông ngoại rất đắn đo chuyện hôn nhân của mẹ tôi. Ở tí tặn Hồ Nam, ông nội biết chuyện, lập tức viết một thư rõ dài cho ông ngoại để cầu hôn cho con trai. Nghe đâu, ông ngoại vừa đọc xong thư này liền đắc ý, thốt lên:

- Hồ phụ sanh hồ tử! Văn chương bố hay thế này thì nhất định con không kém được.

Thế là ba mẹ tôi cưới nhau. Năm ấy, ba tôi hai mươi bảy tuổi, mẹ tôi vừa tròn hai mươi.

Hồi còn trẻ, tính cách mẹ tôi mạnh mẽ, hiếu thắng, sức học cũng khá. Lấy chồng xong, bà không chịu bỏ học, nên vào trường nghệ thuật chuyên nghiệp Bắc Kinh, bắt đầu học vẽ.

Thực ra, các môn cầm, kỳ, thi, họa thuộc giáo trình bắt buộc của gia đình được mẹ học liên tục ngay từ bé. Mẹ tôi rất đam mê hội họa và thơ phú.

Bao nhiêu việc xảy ra trước và sau khi tôi ra đời, tôi chỉ có thể bắt đầu bằng hai chữ "nghe nói" mà thôi.

Nghe nói, khi ba mẹ cưới nhau, có kèm theo điều kiện: Cưới thì cưới, không được bỏ học! Cho nên mẹ tôi chưa muốn làm mẹ, bà còn tiếp tục đi học. Nhưng nguyện vọng của mẹ không đạt được, lấy chồng chẳng bao lâu thì có thai! (Đó không phải là tôi). Nghe nói, lúc đó mẹ buồn lắm, một mực muốn phá thai. Nhưng hồi đó, những hành vi và tư tưởng như vậy là vô đạo đức, rất hoang đường, không thể chấp nhận được. Mẹ mang cái thai đầu tiên và phải nghỉ học, đầy sầu muộn.

Có một hôm, không biết vì lẽ gì, ba mẹ cãi nhau đến mức "kinh thiên động địa". Trong cơn giận dữ mẹ đòi bỏ nhà ra đi. Thế là bà dùng dùng chạy vô buồng ngủ xách rương quần áo lao ra. Thật rủi ro, ngay đêm hôm ấy mẹ bị sảy thai, cái thai đã có hình hài bé trai, năm tháng tuổi! Ba tôi buồn thương nuôi tiếc vô cùng. Ba khóc thâu đêm suốt sáng trước di ảnh của bà nội tôi.

Sau khi anh tôi mất, mẹ tôi lại tiếp tục đi học, nhưng chẳng được bao lâu, thế sự lại thay đổi. Ba mẹ đành rời Bắc Kinh, nơi đã sống nhiều năm tháng để về Thành Đô thuộc Tứ Xuyên. Đó cũng là lúc tôi và đứa em trai song sinh ra đời.

Về hai chị em tôi cũng có lắm chuyện đáng nói. Người ta kể rằng: Khi mẹ tôi biết mình có thai lần nữa thì rất hoảng.

Bà chưa chuẩn bị để làm mẹ, lại đang chuẩn bị đi học tiếp! Một lần bà đòi đi bệnh viện nạo thai, bác sĩ đành an ủi:

- Đùng vội, đùng vội, thai của chị hơi lớn, có vẻ không bình thường, để tôi chụp X quang xem sao!

Cái mà X quang chụp được, thì ra là song thai, nằm khoanh trong bụng mẹ, một cái nằm xuôi, một cái nằm ngược, trong rõ mồn một. Bác sĩ không kiềm nổi vui mừng:

- Bà sẽ sanh đôi đấy!

Nghe nói, khi nhìn phim chụp, thiên chức người mẹ bỗng bừng dậy mãnh liệt trong lòng mẹ, bà yêu quý vô ngần bào thai này. Trở về nhà, bà hồi hả báo tin vui cho mọi người và bắt đầu chuẩn bị mọi thứ, từ áo quần, chăn đắp, gôi trẻ con, nhất nhất đều mỗi thứ một cặp. Bà nói với di cữu của tôi:

- Chị sẽ sanh một lúc hai đứa con gái giống hệt hai nàng công chúa tuyệt xinh đẹp, chị sẽ làm cho chúng giống nhau từ kiểu tết đuôi sam, kết bướm, mặc váy lụa... rồi đưa chúng nó dạo khắp các

vườn hoa...

Mẹ tôi mơ màng bao chuyện đẹp. Hồi đó mẹ tôi còn rất trẻ mà! Nhưng, cái tin mẹ tôi sanh đôi đã làm xôn xao cả dòng họ Viễn. Hồi đó, ông ngoại, bà ngoại đều ở Bắc Kinh. Có mấy cậu và mấy dì đã lần lượt dời đi Tứ Xuyên. Ba mẹ tôi cùng cậu năm, dì ba của tôi thuê chung một căn nhà ở hẻm Bao Bó, phố Thử Miệt của Thành Đô. Trước khi tôi chào đời, mợ và các dì đều giúp mẹ chuẩn bị đồ đạc chờ đón chúng tôi, cái gì cũng màu hồng phớt, toàn đồ con gái. Mẹ tôi quả quyết bảo:

- Chị thích hai đứa con gái, không thích hai đứa con trai đâu, con gái dễ sửa soạn! "Nhất định" chị phải đẻ một cặp con gái!

Mẹ tôi mạnh mẽ và tự tin như vậy đó, không ai dám nói khác ý bà, mặc dù khả năng sanh con trai cũng lớn lắm. Còn ba tôi thì ngược lại, hình như ba muốn sanh con trai. Thứ nhất, ba còn giữ tập tục cũ, thứ hai nữa cũng tại ba còn day dứt nỗi đau mất đi đứa con trai đầu lòng. Nhưng trước mong muốn mãnh liệt của mẹ, ba không dám nói gì, vì sợ nói ra mẹ lại nổi cơn tam bành như lần trước, chạy vào buồng ngủ bê rương bê hòm.

Thế rồi, tám giờ tối ngày 19 tháng tư năm một ngàn chín trăm ba mươi tám, mẹ bắt đầu trở dạ, tại bệnh viện Nhân Tế ở Thành Đô.

Lẽ ra còn nửa tháng nữa mới sanh, nhưng bào thai trong bụng mẹ quậy dữ dội, cứ đòi ra sớm.

Quá một giờ sáng ngày hai mươi tháng tư, tôi chào đời trước. Nằm trên giường sanh, mẹ tôi rặn muốn đứt cả hơi, tôi mới lọt lòng. Câu đầu tiên mẹ là:

- Con trai hay con gái?

- Con gái! Bác sĩ bảo.

Mẹ tôi mừng quá! Thế là có hai đứa con gái sanh đôi rồi.

Bà yên tâm thiu thiu ngủ, quên khuấy trong bụng vẫn còn một đứa nữa. Bác sĩ lại tiếp tục cổ vũ giục giã, mãi hai giờ đồng hồ mẹ mới sanh nốt đứa thứ hai.

Khi bác sĩ reo lên:

- Con trai!

Bà thất kinh, suýt nữa ngất xỉu. Em trai da đen, tôi da trắng. Em trai đầu to, tôi đầu nhỏ, em trai chân mày rậm mắt to, tôi mũi nhỏ, miệng nhỏ. Không những hai đứa tôi không giống hệt nhau mà còn chẳng có cái gì giống nhau cả, đã vậy lại một trai một gái! Vì là sanh chưa đủ ngày, nên lọt lòng ra, tôi và em trai đều xanh xao gầy guộc, tôi chỉ có một kí lô tám, em trai nặng hơn chút đỉnh, cũng chỉ được hai kí lô ba. Càng nhìn hai đứa tôi, mẹ tôi càng thất vọng. Bác sĩ đành động viên, an ủi:

- Đừng buồn, chúng nó gầy bé vậy chứ không sao, nhất là cháu trai, đại khái là nuôi được, còn cháu gái ấy, thì...

Ý bác sĩ nói là, con gái trên đời này đâu có thiếu, không có cũng chẳng sao! Thế là tình mẫu tử nơi mẹ bỗng dâng lên mãnh liệt. Mẹ làm sao có thể bỏ rơi đứa con gái yêu quý? Gì thì gì, mẹ sẽ nuôi cho nó lớn! Nghĩ vậy, mẹ quên hết mọi thất vọng, chỉ còn nghĩ cách làm sao nuôi lớn hai đứa con không may vì sanh non mà xanh gầy.

Còn ba tôi, khi biết mình có cả con trai và con gái thì sung sướng hết chỗ nói! Sau này mợ tôi kể, lúc nào ba tôi cũng nhắc đi nhắc lại:

- Trước kia tôi mất đứa con trai, bây giờ chẳng phải nó đã về lại là gì?

Câu nói ấy kể cũng hơi huyền hoặc, làm như em trai của tôi bây giờ chính là người anh bất hạnh của tôi nằm nào đâu thai trở lại vậy. Song, nếu như thế gian này có chuyện cải tử hoàn sinh, thì biết chừng đâu người em trai song sinh của tôi lại cũng chính là người anh kia cũng nên, đồ ai biết được?

Thế đấy, chuyện chào đời của hai chị em tôi ít nhiều cũng mang màu sắc thần kỳ.

Ba tôi bận rộn lo đặt tên cho chúng tôi. Vì đẻ sinh đôi nên ba quyết đặt tên chúng tôi bằng chữ ghép. Lại nữa, ba mẹ quen nhau ở trường nữ trung học Lương Cát nên đặt tên cho con gái là "Song Cát", con trai là "Song Ngọc". Hai tên này khi đọc lên đều hơi tréo miệng, nên đặt thêm cho hai nhũ danh, tôi là Phượng Hoàng, em trai là Kỳ Lân.

Thế là, ngay tức khắc, trong nhà tôi có đủ cả Phượng Lân Lân. Có điều hai sinh vật bé bỏng này chẳng biết một chút gì về sự có mặt của mình giữa cõi nhân gian rắc rối và giữa cái thời đại đầy rẫy khó khăn. Trước niềm vui vô bờ bến vì một lúc có được hai đứa con, ba mẹ tôi tạm quên nỗi nhọc

nhần trong cuộc sống và bóng tối của chiến tranh bao phủ, chỉ toàn tâm toàn ý lo nuôi nấng chúng tôi. Cũng do sanh non tháng, nên chúng tôi vừa lọt lòng mẹ, được nuôi theo một chế độ đặc biệt. Nhất là tôi, không những không biết bú sữa, lại còn phải nuôi trong lồng kính hai mươi mấy ngày. Trong suốt hai mươi mấy ngày đó, mẹ lo tìm chọn vú nuôi, cho dù thương hai đứa con đến mấy đi nữa cũng không thể cùng một lúc cho bú được cả hai. Sau hai mươi ngày, mẹ đưa hai đứa ra viện, đưa cả vú nuôi của tôi về nhà. Vú nuôi họ Khu, được chọn trong số hơn một trăm người đến xin việc. Hôm tôi và Kỳ Lân đầy tháng, ba tôi bắt bông kem hình búp bê trên bánh bông lan gọi đến bạn bè. Có một bác lấy chồng đã lâu mà chưa có con, ăn một hơi sáu chiếc bánh như vậy, để hưởng phúc bình của mẹ. Ba tôi hả hê mãn nguyện, cao hứng viết một bài thơ được cả nhà thích thú nhớ mãi tới giờ:

"Một nam một nữ cùng sinh hạ,
Rượu mừng chưa nhắm đã say lòng
Mai này, hai đứa xây gia thất
Được chúc cha rồi, thêm chúc ông!"

Chương 2

Trước bốn tuổi

Từ lúc chào đời cho đến khi lên bốn, tôi vẫn ở Thành Đô.

Ở tuổi con nít tôi chẳng nhớ được gì. Mọi chuyện đều nghe kể lại. Lúc nhỏ, tôi là đứa bé trầm lặng, hay ỷ lại, thích nghe người lớn kể chuyện. Theo ba mẹ kể lại, lúc nhỏ tôi rất ngoan nhưng hay xấu hổ, sợ gặp người lạ, hễ trong nhà có khách, thì tôi trốn biệt. Thử phân tích, tôi thấy thời thơ ấu mình rất tự ti.

Nói về tính tự ti, tôi cảm thấy ba tiếng ấy cứ đeo bám đời tôi mãi cho đến giờ, khiến tôi có cảm giác cứ nhúng tay làm việc gì, tôi luôn bị sai lầm.

Tuổi niên thiếu của tôi không được đẹp như mẹ hy vọng, tôi kém xa nàng công chúa tuyết một trời một vực. Mắt tôi không được to, mũi không được thẳng, chỉ có cái miệng là may ra còn coi được. Có lẽ đó là cái may của tôi để mẹ khoe với mọi người:

- Mấy người có thấy không? Miệng con Phụng Hoàng nhỏ đến mức nhét cái núm vú cũng không vào!

Mẹ nói vậy kể cũng hơi khoa trương một chút, vì tôi không biết nút núm vú mà chỉ bú bằng ống hút, gần hai tháng trời.

Tôi sanh ra vốn không được đẹp, tôi cảm thấy mình có điều không phải với mẹ, vì không trở thành niềm kiêu hãnh của mẹ. Còn một điều làm tôi rất buồn phiền là phía trên gò má phải của tôi có một cái bớt rất lớn. Hồi nhỏ, mỗi lần đi hoặc mơ ẵm tôi thường nói:

- Eo ôi, trên mặt có cái bớt to quá, lớn lên ế chồng mất thôi.

Sau này, lúc tôi lên sáu, tôi theo ba mẹ trốn lính Nhật. Có lần, cả nhà đi xe hơi chạy than qua đoạn đèo núi hiểm trở, có biệt danh là "cua bảy mươi hai", về hướng Quý Châu. Đang chạy, ai dè qua cua, xe thắng gấp, khiến cánh cửa bật tung, hất tôi xuống đường. Ba mẹ hét hồn, tưởng tôi không chết thì cũng bị thương nặng. Xe dừng lại, mọi người nhào tới, ngạc nhiên thấy tôi đang ngồi khóc dưới vách núi, khắp người chỉ trầy xước chút đỉnh, chỉ sống mũi là bị một vết thương lớn. Đang đi lánh nạn, lại ở nơi hoang dã làm gì có bệnh viện, tìm đâu ra thuốc. Mẹ tôi đành lấy bột kem đánh răng rắc lên vết thương để tiêu độc. Từ đó, trên mũi tôi bị thêm một cái sẹo. Người thân trong nhà lại càng thương cảm tôi hơn:

- Eo ơi, eo ơi, trên mặt có bớt, trên mũi có sẹo, mai mốt lớn lên có ma nào thèm, ế chồng mất thôi!

Lúc nhỏ, điều tôi lo nhất là bị ế chồng. Tôi bị quan vô cùng (về sau, cái sẹo trên mũi cứ mờ dần theo thời gian rồi mất tiêu không thấy nữa, nổi âu lo còn lại là cái bớt trên mặt, nên đến lúc hai mươi tuổi, tôi học được cách hóa trang làm mờ nó đi. Mãi đến giờ, mỗi khi có ai chụp hình, thì tôi có thói quen giấu nó đi bằng cách quay nửa mặt bên trái về phía ống kính).

Câu chuyện hơi lạc đề, tôi trở lại trước lúc lên bốn tuổi.

Tuy không phải là một cô bé kiêu diễm, nhưng tôi vẫn là cục cưng của mẹ tôi. Bỏ qua tập tục lúc bấy giờ là trọng nam khinh nữ, tuy đã thuê vú nuôi, nhưng để công bằng mẹ tôi đã đặt thành nếp, cứ mỗi tháng tôi và Kỳ Lân thay phiên nhau bú sữa mẹ một đợt. Mẹ và vú nuôi đổi nhau nuôi hai đứa tôi. Mẹ tôi suy nghĩ cặn kẽ là vậy, ai dè nuôi được sáu tháng, tôi đã biết nhận dạng, lại đang phiên bú sữa của vú nuôi, tôi không chịu đổi sữa nữa, do vậy, vú nuôi cho tôi bú đến lớn, Kỳ Lân thì bú sữa mẹ cho đến khi mẹ dứt sữa.

Trước lúc lên bốn tuổi, điều duy nhất tôi còn nhớ là vú nuôi. Và vú nuôi cũng thương tôi như con đẻ của mình. Mỗi lần tôi và Kỳ Lân đánh lộn, vú nuôi cứ quát lên:

- Kỳ Lân sai rồi, Kỳ Lân đánh Phụng Hoàng trước!

Cứ thế, Kỳ Lân bị mẹ đánh đòn. Tôi được tiếng là con bé "ngoan" cũng chính từ miệng vú nuôi nói ra với mọi người.

Tôi và Kỳ Lân được hai tuổi, thì mẹ lại có mang. Lúc này mẹ tôi đã hiểu và cũng đã thích nghi với thiên chức làm mẹ, nên bà yên tâm chờ đón một đứa bé nữa chào đời. Tôi và Kỳ Lân đều đã biết nói, biết gọi mẹ mẹ, ba ba. Khi được hai tuổi rưỡi, mẹ tôi bị cảm phải nằm liệt giường. Tôi thường lân la bên giường mẹ, những lúc đó mẹ lấy cuốn giáo khoa thư của ba, chỉ tay lên hai chữ "quốc văn" dạy tôi nhận mặt chữ, sau này nghe mẹ nói lại, tôi đã nhận được hai chữ quốc văn từ hồi đó.

Kể cũng hơi quá, nhưng chính mẹ nói vậy thì tôi cũng nghe vậy.

Mùa thu năm 1940, em trai thứ ba của tôi là Xảo Tam ra đời. Tên Xảo Tam cũng là do ba đặt. Tên Tam, vì em là đứa con thứ ba trong nhà, lại sinh đúng ngày mười ba tháng tám dương lịch. Âm lịch là mồng mười tháng bảy, cũng vừa đúng là sau ba ngày nếu so với dương lịch. Dì và cậu của tôi cho rằng cái tên đó nghe có vẻ con gái quá. Ở út tận Hồ Nam, ông nội tôi cho biết được gia đình có thêm một cậu cháu trai nữa thì mừng vô kể. Năm ấy cuộc chiến tranh chống Nhật đã bước sang năm thứ tư, cả nước ai cũng ngóng chờ ngày thắng lợi. Ông nội gửi thư đặt tên cho em trai thứ ba là "Đào Thắng" cái tên này nghe oai phong như một quân nhân. Từ đó, em tôi có đến hai tên: Đào Thắng và Xảo Tam.

Bé Tam cân được ba kí lô tám, tròn trịa, bụ bẫm, mặt mày khôi ngô, tuấn tú, ai ai cũng thích. Phải nói, tôi và Kỳ Lân kém xa em. Vì Xảo Tam vừa lọt lòng nên ba mẹ chăm sóc hết sức kỹ lưỡng. Tôi và Kỳ Lân trở thành người giúp việc vặt cho vú nuôi. Lúc này, chúng tôi đã biết tự mở cửa đi chơi, ra sân ngắt hoa quí, ra ngõ mua bánh ăn. Thường là ăn xong, không biết trả tiền, chỉ còn cách quẹt quẹt miệng rồi chạy vô nhà. Nghe mợ năm của tôi sau này nói lại:

- Thắng bán bánh kia cũng là con nít, mới tám chín tuổi, không dám đòi tiền, nó đành theo các cháu đến ngồi trên bậc cửa chờ, chờ mãi, cho đến khi có người lớn đi vào, mới năn nỉ nói:

- Hai chị em sanh đôi nó ăn bánh của con!

Cho đến bây giờ, mỗi lần nhớ Thành Đô, tôi nhớ đến mùi bánh nướng bán trước cửa nhà, nhớ cuộc chia tay đầm đầy nước mắt của mẹ với vú nuôi. Hai người cứ ôm lấy nhau, không thể nào rút ra được.

Lúc chia tay vú nuôi, tôi vừa đúng bốn tuổi.

Chiến tranh chống Nhật đang vào thời kỳ ác liệt, khói lửa bao trùm. Nhưng Tứ Xuyên còn được trời che chở, coi như hậu phương lớn, nên người các tỉnh nườm nượp kéo về, mỗi ngày thêm đông đúc. Ở đây cả nhà tôi đến Thành Đô từ trước, sống tạm ổn định, lý ra, ở luôn tại đây cũng được. Nếu gia đình tôi đừng bỏ Thành Đô ra đi thì làm sao có cảnh sinh ly tử biệt, vui buồn lẫn lộn. Sau này chúng tôi xa Thành Đô năm 1942, về quê hương Hồ Nam đoàn tụ với ông nội, và chính cuộc đoàn tụ này mới cuốn hút cả nhà tôi vào những tháng ngày khói lửa chiến tranh bao trùm trời đất.

Nguyên là, khi tôi và Kỳ Lân vừa lên bốn thì em trai út cũng lên hai, đời sống ở Thành Đô mỗi ngày một đắt đỏ, vật giá leo thang. Ba tôi lúc đó làm giáo viên chủ nhiệm Đại Học Quang Hoa, vừa dạy ở Đại Học Quang Hoa vừa dạy học ở Đại Học Hoa Tây, tuy được mấy suất lương liền vẫn không đủ duy trì cuộc sống một gia đình, năm miệng ăn. Đúng vào dịp ấy, ông nội nhớ cháu nội yêu quý chưa được gặp mặt. Ông cứ viết thư ba lần bảy lượt cho ba mẹ, thôi thúc ba mẹ sớm sắp xếp về thăm quê hương Hồ Nam để ông cháu gặp nhau, có lấy một ngày sum họp. Ba mẹ phân tích, suy ngẫm, nào chiến tranh kháng Nhật quyết không thể lan tới Hồ Nam, nào vật giá ở Thành Đô mắc mớ, và quan trọng nhất là lời khẩn cầu của ông nội, chuyển cả nhà về Hồ Nam!

Tôi không thể chia tay với vú nuôi. Tôi nhớ là vú nuôi ẵm tôi, khóc vật vã. Nghe nói tôi cũng khóc dút hơi, quần chặt lấy mẹ hỏi:

- Tại sao chúng ta không để vú đi cùng? Tại sao phải chia tay vú? Con không muốn xa vú đâu. Chúng ta đưa vú cùng đi!

Đương nhiên là chúng tôi không thể nào đưa vú nuôi cùng đi được. Thế rồi khóc, khóc và khóc... khóc liền mấy ngày trời, rốt cuộc rồi cũng đến lúc chia tay vú nuôi. Ấy là lần đầu tiên trong đời, tôi hiểu được thế nào là "biệt ly", và đó cũng là ký ức sớm nhất in đậm vào tuổi thơ của tôi. Mẹ nói, những ngày liền sau đó, cứ nửa đêm là tôi tỉnh dậy khóc, mẩn mòi tìm vú nuôi.

Chương 3

Ông nội và "Lan Chi Đường"

Trong ấn tượng của tôi, ông nội là một cụ già rất oai nghiêm, đầy phí phách.

Ông nội tên Trần Mặc Tây, có năm anh em, đều ở Lan Chi Đường là nhà thờ họ thuộc Trần Tra Giang, huyện Hành Dương.

Ông nội rất có tiếng tăm ở quê nhà, ông từng theo Tôn Trung Sơn, du học Nhật Bản, tham gia Bắc phạt, dấu chân in khắp đông, tây, nam, bắc. Thời trai trẻ, ông nội sống rất phong lưu. Ông có vợ lớn ở quê, lại cưới thêm bà nội ở Nam Kinh. Nghe nói, bà nội tôi không biết gì về chuyện ông nội tôi đã lập gia đình, cho đến khi ông đưa bà về thăm xứ sở, bà mới phát hiện ra chuyện ấy, hóa ra mình không phải là vợ cả. Bà nội tôi nổi cơn lôi đình, kiên quyết không chịu về với ông nội, bèn đưa ba tôi và người bác ruột của tôi đến Bắc Kinh ở. Cũng nhờ đức tính cương quyết của bà nội mà ba tôi mới trưởng thành ở Bắc Kinh, mới gặp mẹ tôi, sanh ra bầy nhóc chúng tôi.

Khi cả nhà chuyển đến Hồ Nam thì bà nội tôi và bà vợ cả của ông tôi đều qua đời. Ông nội lại ở với một bà dì để kết bạn tuổi già. Vì thế, bên cạnh Lan Chi Đường, lại xây một ngôi nhà nhỏ để ông ở với dì. Người nhà họ Trần ở Lan Chi Đường đều gọi ngôi nhà này là Tân Thất.

Chúng tôi vừa về đến quê hương, cả Lan Chi Đường xôn xao hẳn lên. Mọi người đổ xô lại thăm ba tôi, người nhà lần đầu tiên về thăm quê, xem nàng dâu mới nói rất tiếng Bắc Kinh, tò mò xem cặp song sinh chúng tôi và bé Xảo Tam. (Tuởng cũng cần nói thêm, nghe nói bé Tam luôn gặp điều may, được ông nội hết sức chiều chuộng. Tuy túi áo ông nội luôn có tấm hình của nó, mỗi khi rảnh rỗi ông lại lấy ra ngắm, ngắm một hồi lại mỉm cười. Gặp lúc không vui ông cũng lấy ảnh của nó ra ngắm, rồi đặc ý nói:

- Có đứa cháu nội thế này thì còn buồn nỗi gì!

Thực sự cả nhà chúng tôi đã trở thành khách quý của Lan Chi Đường. Suốt ngày ông nội dắt chúng tôi đi báỉ kiến khắp nơi, từ các chú, các bác, các cô, các thím. Ông bắt chúng tôi nhất loạt phải lạy. Tôi, Kỳ Lân và bé Tam như ba cái máy, cứ lạy loạn xạ. Tôi cũng không biết trong dòng họ mình sao mà lắm người bẻ trên đến thế! Mãi về sau tôi mới rõ, ông nội tuy là trưởng tộc họ Trần, nhưng bà vợ chánh không có con trai, chỉ sanh toàn là con gái. Ba tôi là đứa con trai được sinh hạ khi ông nội bốn mươi tuổi, cho nên những người đồng hàng với chúng tôi ở Lan Chi Đường đều lớn hơn chúng tôi.

Quan niệm thừa ấu thơ của tôi về Lan Chi Đường rất ngộ nghĩnh, sao mà lắm trại, lắm vườn, lắm sân lắm vầy, có lần tôi và các em trai chơi trò trốn tìm, và lục lọi mọi chốn, ba mẹ tìm không ra chúng tôi. Ông tôi nuông chiều ba đứa cháu nội hết chỗ chê. Hồi nhỏ, Kỳ Lân có cái đầu to, tôi và em trai út hay cười trêu nó:

Đầu to, đầu to

Trời mưa không lo che dù đội nón...

Ông nội khen khuôn mặt chữ điền và vành tai to của Kỳ Lân, bảo rằng tương lai của nó có phước. Bé Tam thì rất tinh khôn, miệng có duyên lại hay nói chuyện. Chúng tôi mới về quê, cùng ở chung với ông nội trong Tân Thất, ông nội thường mua bánh kẹo cho chúng tôi ăn, nhưng lại sợ chúng tôi ăn nhiều quá nên đặt hộp bánh trên giá cao, để chúng tôi không chồm tới. Một hôm, ông nội bước vào phát hiện bé Tam xuống nhà bếp lấy trộm đường cát, nó ăn thế nào để đường dính đầy mặt như vừa mọc râu bạc. Chưa đủ, nó còn trèo lên cái ghế cao, đưa tay khều hộp bánh. Thấy vậy, sợ nó giựt mình té, ông nội không dám la, chỉ đằng hắng một tiếng. Nghe nói, bé Tam ngoái đầu lại thấy ông, chẳng đỏ mặt tía tai tí nào mà còn nói tía lia:

- Ông ơi, con trèo lấy bánh cho ông ăn nhen!

Nghe vậy, ông nội ung bụng lắm, càng thương bé Tam hơn. Còn tôi, tôi là cháu nội gái duy nhất của ông (bác tôi cũng chỉ sinh được hai trai, không có con gái), tính tình trầm lặng, lại thường hay đi theo ông đi thăm bạn bè, ở đâu cũng không quậy phá. Do vậy, tuy là con gái, nhưng ông vẫn coi tôi là hạt ngọc trên lòng bàn tay. Chỉ cái bót trên mặt tôi, ông nội bảo chẳng nhằm nhò gì, chẳng ảnh hưởng gì đến dung nhan cháu gái cưng của ông.

Được đoàn tụ với ông nội, cuộc sống hàng ngày của chúng tôi rất thoải mái. Ông có người giúp việc

tên là Hoàng Tài Dur, một mực trung thành với ông. Lúc rảnh rỗi, Hoàng Tài Dur hay dẫn chúng tôi dạo chơi trên núi sau nhà, nếu nhớ không nhầm thì tôi thích nhất trò nhặt quả thông trong rừng. Hồi đó tôi cũng chẳng có đồ chơi, ngoài mấy quả thông, lá tre, cỏ đuôi chó...

Ở đây chẳng bao lâu, ba theo ông nội đi dạy học ở trường Trung học Nam Hoa, cả mẹ tôi cũng dạy môn quốc văn ở trường này. Thế là, cả nhà năm người với ông nội đều phải dời đến ở trong khu gia đình của trường, nằm trong thung lũng núi Hành Sơn. Phong cảnh ở đây tuyệt đẹp.

Ở Hồ Nam là chặng thời gian tuổi thơ của tôi được sống những ngày hạnh phúc nhất. Trong sân vườn Lan Chi Đường, tôi được ươm ấp trong tình thương của người lớn. Trên ngọn núi sau nhà, tôi nhặt được trái thông và tìm ra cái loại tổ chim. Trong vườn trường Trung học Nam Hoa, tôi biết thả diều và nhận mặt chữ ô vuông... Nhưng, vui chơi với cảnh đẹp thiên nhiên chưa được bao nhiêu, thì khói lửa chiến tranh đã dần dần tràn đến Hồ Nam. Không khí trong trường mỗi ngày một căng thẳng, nụ cười vắng bóng trên khuôn mặt người lớn, thay vào đó là bao nỗi lo âu. Ông nội và ba mẹ lại thường ngồi lại bàn tính chuyện, gương mặt ai nấy đầy vẻ ưu tư.

Ấy là năm 1944, chiến tranh Trung Nhật bao trùm cả Trung Quốc. Khi tôi mới bắt đầu hiểu sơ sơ về nhân tình thế thái, thì cũng là lúc tuổi thơ của tôi lại bị ngọn lửa của chiến tranh cuốn đi. Mọi niềm vui thú và hạnh phúc chỉ qua một đêm tan tành ra mây khói.

Sau này, những gì xảy ra ở thời niên thiếu, tôi đều ghi lại trong cuốn sách "Những ngày lưu lạc".